

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG ĐỐI VỚI VIỆC XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Xóa đói giảm nghèo là một trong các chương trình mục tiêu quốc gia của Đảng, Nhà nước ta. Theo đó có rất nhiều các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành quy định, hướng dẫn thực hiện. Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác là khung pháp lý và là cơ sở thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo, ổn định xã hội mà Ngân hàng chính sách xã hội là cơ quan được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ để thực hiện nhiệm vụ cao cả này tại Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tập trung các nguồn vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư cho chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo.

Mục tiêu xóa đói giảm nghèo (XĐGN) được các tỉnh xác định là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh đã xây dựng chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2001-2005; giai đoạn 2006-2010; giai đoạn 2010-2015 và đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn về chương trình giảm nghèo cụ thể cho các địa phương căn cứ trên chương trình mục tiêu quốc gia.

Bên cạnh đó, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố cũng đã ban hành nghị quyết về hỗ trợ nguồn lực tài chính cho chương trình giảm nghèo nhằm triển khai Nghị quyết số 80/CP của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020. Để tạo điều kiện cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác tiếp cận tốt hơn các dịch vụ xã hội cơ bản trong đó có dịch vụ tín dụng, NHCSXH Việt Nam và các ban ngành liên quan đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành, văn bản hướng dẫn thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi áp dụng đối với các đối tượng chính sách là hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác nhằm cải thiện và từng bước nâng cao điều kiện sống của người nghèo, trước hết là ở khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các vùng nghèo; thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, các dân tộc và các nhóm dân cư.

Chi nhánh NHCSXH các tỉnh xây dựng đề án tín dụng ưu đãi 2011- 2015 trình thường trực UBND cấp tỉnh và thường trực tỉnh ủy các tỉnh thông qua, phê duyệt và thông báo về việc triển khai thực hiện đề án tín dụng 2011-2015 đến cấp ủy chính quyền địa phương, các ngành, các tổ chức chính trị- xã hội. Ủy ban Nhân dân các tỉnh thường có văn bản gửi đến các ngành chức năng như Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các huyện, thành thị để bố trí vốn ngân sách cho NHCSXH.

Mặt khác, ủy ban Nhân dân các tỉnh đã có văn bản hướng dẫn về việc sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho ngân hàng chính sách xã hội tỉnh sử dụng một phần nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác để cho vay giải quyết việc làm theo quyết định số

71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ, đầu tư thực hiện các chương trình phát triển nông nghiệp trọng điểm của tỉnh, ưu tiên cho chương trình nuôi trồng thủy sản.

Mặc dù hệ thống văn bản được xây dựng ban hành từ trung ương đến địa phương đã thể hiện tính thống nhất, tính khả thi giữa các chính sách trong văn bản so với mục tiêu chung của chương trình giảm nghèo và chương trình phát triển kinh tế - xã hội cho từng giai đoạn, có sự kế thừa và điều chỉnh chính sách trong từng giai đoạn khác nhau nhưng một số quy định không còn phù hợp cần phải chỉnh sửa bổ sung để phù hợp với điều kiện tình hình thực tế hiện nay như: Lãi suất cho vay cao (chương trình cho vay hộ cận nghèo, cho vay cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường, cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn); Mức vay thấp (chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn). Kết quả thông tin, tuyên truyền và phổ biến chính sách, pháp luật về giảm nghèo.

Việc cho vay của Ngân hàng chính sách xã hội được thực hiện theo phương thức ủy thác từng phần qua các tổ chức chính trị xã hội theo hợp đồng ủy thác hoặc cho vay trực tiếp đến hộ vay. Việc cho vay được căn cứ vào kết quả bình xét của tổ tiết kiệm và vay vốn. Tổ Tiết kiệm và vay vốn là một tổ chức do các tổ chức chính trị xã hội hoặc cộng đồng dân cư tự nguyện thành lập trên địa bàn hành chính của xã và được UBND cấp xã chấp thuận bằng văn bản. Mạng lưới của NHCSXH được phủ khắp đến tận thôn, ấp, bản, làng nên công tác thông tin truyền truyền được phổ biến rộng rãi, mọi người dân đều biết và hiểu được hoạt động của NHCSXH là mục tiêu giảm nghèo. Kết quả là các đối tượng thụ hưởng theo quy định đều được tiếp cận với nguồn vốn tín dụng ưu đãi phục vụ sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, cải thiện đời sống góp phần thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo, ổn định xã hội.

II. THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG TRONG XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO

1. Những kết quả đạt được

Vốn đầu tư theo từng chương trình tín dụng ưu đãi đến tay đúng đối tượng thụ hưởng, cho vay đúng quy trình có sự bình xét từ cơ sở ủy thác thông qua các tổ chức chính trị xã hội cơ bản đã giải quyết công ăn việc làm ở nông thôn, đổi mới tư duy làm ăn nhỏ lẻ manh mún, thay đổi cơ cấu sản xuất tập trung, cải tạo khai thác tiềm năng đất đồi rừng, ao hồ cây con cũ, nuôi trồng cây con giống mới mang lại hiệu quả kinh tế cao ở các vùng nông thôn miền núi. vốn vay đã tạo điều kiện cho nhiều hộ gia đình đầu tư vào chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải tạo đất đồi rừng, chăm bón cây trè, cây sơn ta lấy nhựa, hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí học tập, sinh hoạt cộng đồng,... góp phần tích cực thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo của tỉnh, góp phần đưa Phú Thọ ra khỏi tình nghèo vào năm 2015.

Kết quả thực hiện chính sách, chương trình giảm nghèo bước đầu thực hiện dự án tín dụng ưu đãi tại địa bàn tỉnh Phú Thọ đã tác động tích cực đến nhận thức của các cấp, các ngành, và nhân dân tạo sự chuyển biến cơ bản trong nhận thức về chính sách tín dụng ưu đãi

để từ đó đổi mới tổ chức thực hiện bảo đảm vốn vốn ưu đãi được sử dụng đúng đối tượng, có hiệu quả, góp phần giảm nghèo ở địa phương thực hiện được nhanh chóng và bền vững.

Kết quả việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về giảm nghèo

1.1 **Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo chung** (tín dụng: dạy nghề, tạo việc làm, xuất khẩu lao động; y tế, chăm sóc sức khỏe; giáo dục; nhà ở; hỗ trợ sản xuất, kinh doanh; trợ giúp pháp lý, thông tin,...)

Kết quả cụ thể trong việc thực hiện các chương trình tín dụng chính sách trên địa bàn giai đoạn 2005-2012.

Chương trình cho vay hộ nghèo: được xác định dựa trên nguyên tắc người nghèo vay vốn phải đảm bảo nguyên tắc sử dụng vốn đúng với mục đích xin vay và phải hoàn trả nợ gốc và lãi vay đúng thời hạn thỏa thuận. Tuy nhiên, bên cạnh nguyên tắc này, người muốn được vay vốn theo chương trình cho vay hộ nghèo phải đảm bảo các điều kiện sau”

- Hộ nghèo phải có địa chỉ cư trú hợp pháp tại địa phương được Ủy ban nhân dân (UBND) xã xác nhận trên danh sách 03/TD.
- Có tên trong danh sách hộ nghèo tại xã, phường, thị trấn theo chuẩn hộ nghèo do Bộ Lao động thương binh và Xã hội công bố từng thời kỳ.
- Người vay vốn là người đại diện hộ gia đình chịu trách nhiệm trong mọi quan hệ với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH), là người ký nhận nợ và chịu trách nhiệm trả nợ NHCSXH.
- Hộ nghèo phải tham gia Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) trên địa bàn.

Mục đích của việc sử dụng vốn vay là nhằm đầu tư mua sắm các loại vật tư, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón..., công cụ lao động, chi phí thanh toán cung ứng lao vụ, đầu tư làm nghề thủ công, chi phí nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy hải sản; Góp vốn để thực hiện dự án sản xuất kinh doanh do cộng đồng người lao động sáng lập và được chính quyền địa phương cho phép thực hiện; cho vay giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, nước sạch, điện thấp sáng và học tập. NHCSXH cho vay vốn hỗ trợ một phần chi phí học tập cho những con em đang theo học phổ thông để trang trải các chi phí sau:

- + Tiền học phí phải nộp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với trường công lập và theo quy định của nhà trường đối với trường dân lập.
- + Kinh phí xây dựng trường theo quy định của địa phương phù hợp với quy định của Bộ giáo dục và đào tạo.
- + Tiền mua dụng cụ học tập và sách giáo khoa theo giá ghi trên bìa sách (không cho vay mua sách tham khảo, sách nâng cao).
- + Tiền mua quần áo hoặc trang phục học đường của học sinh theo quy định.

Căn cứ vào tình hình thực tế nguồn vốn và nhu cầu vốn tại địa phương, Giám đốc chi nhánh NHCSXH cơ sở ưu tiên, tập trung nguồn vốn cho vay hộ nghèo sản xuất kinh doanh trước, sau đó mới xét đến cho vay giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, nước sạch, điện thấp sáng và học tập tại các trường phổ thông.

1.5. Mức cho vay

Mức cho vay quy định đối với từng loại mục đích cụ thể như sau:

- Cho vay sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: mức cho vay tối đa 30 triệu đồng/1hộ.
- Cho vay giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, nước sạch, điện thấp sáng và học tập với mức cho vay cụ thể như sau:
 - + Cho vay sửa chữa nhà ở, mức cho vay tối đa 3 triệu đồng/1hộ.
 - + Cho vay điện thấp sáng, mức cho vay tối đa 1,5 triệu đồng/1hộ.
 - + Cho vay nước sạch, mức tối đa 4 triệu đồng/1hộ.
 - + Cho vay chi phí học tập tại các trường phổ thông: Tổng giám đốc uỷ quyền cho Giám đốc chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố quyết định mức cho vay nhưng không vượt quá tổng 4 khoản chi phí học tập cao nhất được vay.

Lưu ý: Mức cho vay tối đa của chương trình cho vay hộ nghèo là: 30 triệu đồng/1hộ (bao gồm cả nhu cầu sản xuất kinh doanh và nhu cầu thiết yếu về nhà ở, nước sạch, điện thấp sáng, chi phí học tập cho con em học trường phổ thông).

Chương trình cho vay giải quyết việc làm

4.1. Đối tượng vay vốn

Đối tượng vay vốn chương trình Quốc gia giải quyết việc làm là các cơ sở sản xuất, kinh doanh và hộ gia đình.

Trong đó:

+ **Hộ gia đình:** Các hộ gia đình có nhu cầu vay vốn giải quyết việc làm, trong đó ưu tiên cho vay người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp.⁽¹⁾

+ **Cơ sở sản xuất, kinh doanh** gồm: các hộ kinh doanh cá thể; tổ hợp sản xuất; hợp tác xã hoạt động theo luật Hợp tác xã; cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật.; doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động theo Luật doanh nghiệp; chủ trang trại (có đủ tiêu chí theo quy định hiện hành của Nhà nước).

4.2. Điều kiện vay vốn

⁽¹⁾ VB số 297/NHCS-TDNN ngày 04/02/2013 của Tổng giám đốc NHCSXH v/v hướng dẫn thực hiện cho vay người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp theo QĐ 52/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

4.2.1. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh:

- Phải có dự án vay vốn khả thi, phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh, tạo việc làm mới, thu hút thêm lao động vào làm việc ổn định.

- Dự án phải có xác nhận của UBND cấp xã hoặc cơ quan thực hiện chương trình ở địa phương nơi thực hiện dự án; (riêng đối với các dự án thuộc nguồn vốn do Tổng liên đoàn Lao động quản lý thì phải có xác nhận của Giám đốc doanh nghiệp và Công đoàn cơ sở).

- Đối với dự án có mức vay trên 30 triệu đồng phải có tài sản thế chấp, cầm cố theo quy định hiện hành hoặc bảo đảm tiền vay theo văn bản hướng dẫn của NHCSXH. Đối với nguồn vốn do Tổng Liên đoàn Lao động quản lý thì nhất thiết cơ sở sản xuất kinh doanh phải có tổ chức Công đoàn.

4.2.2. Đối với hộ gia đình:

Để đảm bảo điều kiện vay vốn sản xuất hộ gia đình phải đảm bảo tạo thêm tối thiểu 01 chỗ làm việc mới; phải có dự án vay vốn được UBND cấp xã hoặc cơ quan thực hiện chương trình ở địa phương nơi thực hiện dự án xác nhận. Đồng thời phải đăng ký cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án.

Lưu ý : Đối với nguồn vốn do Tổng liên đoàn Lao động quản lý thì Hộ gia đình được vay vốn phải có đủ những điều kiện sau: Hộ gia đình phải là gia đình công nhân, viên chức, lao động (CNVC - LD) đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

+ Có vợ hoặc chồng, hoặc con (gọi chung là thành viên trong gia đình) trong độ tuổi lao động nhưng chưa có việc làm.

+ Có thành viên trong gia đình bị mất việc, thôi việc, bị dôi dư trong quá trình sắp xếp doanh nghiệp Nhà nước, thuộc diện tinh giảm biên chế trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

+ Có thành viên trong gia đình là người nghỉ hưu sớm, nghỉ mất sức lao động nhưng thực tế vẫn còn khả năng lao động.

+ Có thành viên trong gia đình nghỉ chờ việc dài ngày không hưởng lương.

Đối tượng vay vốn đáp ứng một trong các tiêu chí trên phải được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị hoặc Giám đốc doanh nghiệp và Công đoàn cơ sở lựa chọn và xác nhận. Các hộ CNVC - LD có thể cùng nhau góp vốn thành dự án nhóm hộ.

4.3. Vốn vay được sử dụng vào các việc

Các hộ gia đình được giải quyết vay vốn phải thực hiện đúng với cam kết ban đầu như: mua sắm vật tư, máy móc, thiết bị, mở rộng nhà xưởng, phương tiện vận tải, phương tiện đánh bắt thủy, hải sản nhằm mở rộng, nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh; mua sắm nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, thanh toán các dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh.

4.4. Mức cho vay

Mức vay vốn được căn cứ vào các điều kiện như: nhu cầu vay vốn; vốn tự có của cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ gia đình; khả năng hoàn trả của cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ gia đình; đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh: mức cho vay tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án và không quá 20 triệu đồng/1 lao động thu hút mới. Đối với hộ gia đình: mức cho vay tối đa không quá 20 triệu đồng/hộ.

Ngoài ra, đối với những dự án nhóm hộ, mức cho vay tối đa phụ thuộc vào số hộ tham gia dự án nhưng mức cho vay mỗi hộ tối đa không quá 20 triệu đồng. Riêng đối với nguồn vốn do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quản lý: Mức cho vay cao nhất đối với hộ gia đình không vượt quá 20 triệu đồng và thấp nhất không dưới 5 triệu đồng.

Chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

3.1. Đối tượng được vay vốn

- HSSV có hoàn cảnh khó khăn theo học tại các trường đại học (hoặc tương đương đại học), cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và tại các cơ sở đào tạo nghề được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

- Bộ đội xuất ngũ theo học tại các cơ sở dạy nghề thuộc Bộ Quốc phòng và các cơ sở dạy nghề khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định tại Quyết định số 121/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Lao động nông thôn trong độ tuổi lao động, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học, học nghề trong các trường cao đẳng, trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề, trường đại học, trung cấp chuyên nghiệp của các Bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ sở đào tạo nghề khác theo quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Lưu ý:

Đối với trường hợp HSSV học trung cấp, cao đẳng học liên thông lên cao đẳng, đại học; HSSV đang học trường này nhưng đã chuyển sang trường khác, HSSV học hệ đại học tại chức, đào tạo từ xa đủ điều kiện thuộc điều 2 Quyết định 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ vẫn được giải quyết cho vay. Tuy nhiên, học viên cao học, nghiên cứu sinh, cán bộ công tác tại các ngành ở xã, huyện, tỉnh học tại chức, HSSV có hoàn cảnh khó khăn bị các cơ quan xử phạt hành chính trở lên về: cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp... HSSV đang bị các trường học kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, HSSV học văn bằng thứ 2.⁽²⁾ sẽ không trong nhóm đối tượng được giải quyết cho vay tại ngân hàng chính sách.

3.2. Quy định về HSSV có hoàn cảnh khó khăn

⁽²⁾ VB 3386/NHCS-TDSV ngày 26/11/2009 v/v giải đáp vướng mắc về cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn

Đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo học tại các trường đào tạo được vay vốn tại NHCSXH trong trường hợp mồ côi cả cha và mẹ, hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động; là con (con đẻ hoặc con nuôi hợp pháp) của hộ gia đình, thuộc một trong các đối tượng thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật. Hoặc là con của hộ gia đình có thu nhập bình quân tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo.⁽³⁾

Ngoài ra, học sinh, sinh viên mà gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh trong thời gian theo học có xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi cư trú cũng được xem xét cho vay vốn tại ngân hàng chính sách xã hội.

3.3. Điều kiện và thủ tục vay vốn

Để được vay vốn, HSSV phải có đủ các điều kiện sau:

(1) HSSV đang sống trong hộ gia đình cư trú hợp pháp tại địa phương nơi cho vay có đủ các tiêu chuẩn như mục 3.2.

Nơi cư trú hợp pháp của người vay vốn là nơi người đó thường xuyên sinh sống. Trường hợp không xác định được nơi cư trú của người vay vốn theo quy định thì nơi cư trú là nơi người đó đang sinh sống được UBND xã, nơi quản lý hộ gia đình đang sinh sống xác nhận (trên mẫu số 03/TD).

(2). HSSV được vào học và đang theo học tại các trường đại học (hoặc tương đương đại học), cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và tại các cơ sở đào tạo nghề được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Cụ thể phải có một trong 02 loại giấy tờ sau:

- Đối với sinh viên năm thứ nhất phải có Giấy báo nhập học của nhà trường (hoặc giấy xác nhận mẫu 01/TDSV).

- Đối với sinh viên năm thứ 2 trở đi phải có Giấy xác nhận của nhà trường theo mẫu quy định (mẫu 01/TDSV).

(3). Là HSSV có hoàn cảnh khó khăn được UBND cấp xã nơi hộ gia đình của HSSV sinh sống xác nhận.

3.4. Mức vốn cho vay

(a). Mức cho vay cụ thể đối với từng HSSV được xác định căn cứ vào khả năng tài chính của NHCSXH và nhu cầu vay vốn của người vay, nhưng không vượt quá mức cho vay tối đa theo quy định của Thủ tướng Chính phủ công bố từng thời kỳ. Mức cho vay tối đa:

⁽³⁾ QĐ số 09/2011-QĐ- TTg ngày 30/01/2011 ban hành chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo và văn bản hướng dẫn số 2364/NHCS-TDSV ngày 27/9/2011 về giải đáp vướng mắc nghiệp vụ về cho vay HSSV

- Từ ngày 01/10/2007 đến 25/8/2009 đối với mỗi HSSV là 800.000 đồng/tháng; (8.000.000 đồng/năm học).
- Từ ngày 26/8/2009 đến 14/11/2010 đối với mỗi HSSV là: 860.000 đồng/tháng; (8.600.000 đồng/năm học).
- Từ ngày 15/11/2010 đến 31/7/2011 đối với mỗi HSSV là: 900.000 đồng/tháng; (9.000.000 đồng/năm học).
- Từ ngày 01/8/2011 đến 31/7/2013 áp dụng mức cho vay mới đối với mỗi HSSV là: 1.000.000 đồng/tháng; (10.000.000 đồng/năm học).
- Từ ngày 01/8/2013 áp dụng mức cho vay mới đối với mỗi HSSV là: 1.100.000 đồng/tháng; (11.000.000 đồng/năm học).

Đối với HSSV đang trong quá trình giải ngân dở dang (vay vốn trực tiếp tại NHCSXH nơi Nhà trường đóng trụ sở hoặc vay thông qua hộ gia đình), nếu có nhu cầu vay theo mức mới, thì kể từ ngày 01/8/2013 được áp dụng theo mức cho vay mới.

(b). Số tiền xem xét cho vay tối đa đối với mỗi hộ gia đình căn cứ vào số lượng HSSV trong gia đình, mức vốn cho vay tối đa của NHCSXH, số tháng từng sinh viên còn phải theo học tại trường kể từ ngày có nhu cầu vay vốn.

(c). Đối với những HSSV thuộc diện được miễn, giảm học phí hoặc HSSV theo học tại các trường Công an, Quân sự đã được miễn học phí và sinh hoạt phí thì loại trừ không cho vay đối với số tiền đã được miễn, giảm học phí, sinh hoạt phí... Mức học phí làm căn cứ giảm trừ là mức học phí của các trường đào tạo hệ công lập của cơ quan có thẩm quyền quy định.

(d). Đối với HSSV thuộc đối tượng được vay vốn nhưng học hệ đại học tại chức, đào tạo từ xa thì HSSV vẫn được vay, nhưng mức cho vay phải căn cứ vào số tháng thực tế HSSV phải theo học tại trường, mức thu học phí của từng tháng, chi phí mua sắm sách vở, phương tiện học tập, chi phí ăn ở, đi lại (nếu học tại chức) để xem xét xác định mức cho vay.

3.5. Vốn vay được sử dụng vào việc

Nộp học phí, chi phí để mua sắm sách vở, phương tiện học tập nghiên cứu và các chi phí khác phục vụ cho việc học tập của HSSV.

3.6. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ ngày người vay nhận món vay đầu tiên cho đến ngày trả hết nợ gốc và lãi được thoả thuận.

Thời hạn cho vay bao gồm **thời hạn phát tiền vay và thời hạn trả nợ**.

a. Thời hạn phát tiền vay: Là khoảng thời gian tính từ ngày người vay nhận món vay đầu tiên cho đến ngày HSSV kết thúc khoá học, kể cả thời gian HSSV được nhà trường cho phép nghỉ học có thời hạn và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có). Trong thời gian phát tiền

vay, HSSV chưa phải trả nợ gốc và lãi. Lãi tiền vay được tính từ ngày nhận món vay đầu tiên cho đến ngày trả hết nợ gốc.

b. Thời hạn trả nợ: Là khoảng thời gian được tính từ ngày người vay trả món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc và lãi. Người vay và Ngân hàng thoả thuận thời hạn trả nợ cụ thể nhưng không vượt quá thời hạn trả nợ tối đa được quy định cụ thể như sau:

- Đối với các chương trình đào tạo có thời gian đào tạo đến một năm, thời gian trả nợ tối đa bằng hai lần thời hạn phát tiền vay.

- Đối với các chương trình đào tạo trên một năm, thời gian trả nợ tối đa bằng thời hạn phát tiền vay.

Trường hợp, một hộ gia đình vay vốn để chi phí học tập cho nhiều HSSV cùng một lúc, nhưng thời hạn ra trường của từng HSSV khác nhau, thì thời hạn cho vay được xác định theo HSSV có thời gian còn phải theo học tại trường dài nhất.

Trường hợp HSSV đã vay vốn, sau khi tốt nghiệp, đi nghĩa vụ quân sự, nếu còn dư nợ chương trình cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn tại NHCSXH thì số dư nợ đó được kéo dài thời gian trả nợ và được miễn lãi tiền vay tương ứng với thời gian phục vụ tại ngũ của HSSV đó, nhưng tối đa không quá 24 tháng kể từ ngày HSSV nhập ngũ.

Đối với HSSV mà gia đình gặp khó khăn về tài chính đã được vay vốn nhưng nay thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ có thu nhập bình quân bằng 150% mức thu nhập bình quân của hộ nghèo, thời hạn phát tiền vay phải được xác định lại bao gồm thời hạn phát tiền vay trước đây và thời hạn phát tiền vay lần này.

* **Lưu ý:** Món nợ gốc và lãi đầu tiên được trả khi HSSV ra trường, có việc làm, có thu nhập nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày HSSV kết thúc khoá học. Như vậy, thời hạn cho vay tối đa bao gồm thời hạn phát tiền vay, thời gian HSSV ra trường chờ việc làm chưa có thu nhập và thời hạn trả nợ vay.

Chương trình cho vay đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài:

5.1. Đối tượng được vay

- Vợ (chồng), con của liệt sĩ.

- Thương binh (kể cả thương binh loại B được xác nhận từ 31/12/1993 trở về trước, nay gọi là quân nhân bị tai nạn lao động), người hưởng chính sách như thương binh, mất sức lao động 21% trở lên (gọi chung là thương binh).

- Vợ (chồng), con của thương binh.

- Con của: Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động; người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng được thưởng huân, huy chương kháng chiến; cán bộ hoạt động cách mạng trước tháng 8 năm 1945.

- Người lao động thuộc hộ nghèo theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật.
- Người lao động thuộc các hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên phạm vi cả nước bị Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất để bồi thường (gọi là người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp).

5.2. Điều kiện vay vốn

*** Cho vay đối với những đối tượng đi lao động có thời hạn ở nước ngoài theo văn bản 1034/NHCS-KH ngày 21/4/2008:**

- Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi NHCSXH cho vay đóng trụ sở.
- Có xác nhận của UBND cấp xã nơi người vay cư trú về việc người vay thuộc đối tượng chính sách. Trường hợp, đối tượng chính sách không thuộc UBND cấp xã quản lý thì người vay có thể xuất trình giấy tờ để chứng minh (như thẻ thương binh, giấy chứng nhận,...) để UBND có cơ sở xác nhận.
- Được bên tuyển dụng chính thức tiếp nhận đi lao động có thời hạn ở nước ngoài.

*** Cho vay đi lao động có thời hạn ở nước ngoài đối với người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp theo văn bản 279/NHCS-TDNN ngày 04/02/2013:**

- Có hộ khẩu thường trú tại hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi.
- Có Quyết định thu hồi đất trong vòng 3 năm kể từ ngày Quyết định thu hồi đất có hiệu lực.
- Được bên tuyển dụng chính thức tiếp nhận đi lao động có thời hạn ở nước ngoài.

Lưu ý: Trường hợp người lao động đi XKLD tại Libya, các nước Bắc Phi và Trung Đông phải về nước trước hạn do nguyên nhân khách quan, nếu còn dư nợ và có nhu cầu vay vốn đi XKLD ở nước khác, ngoài các thủ tục theo quy định hiện hành phải có thêm các điều kiện sau:

+ Có bản "Thanh lý hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài" hoặc giấy tờ khác chứng minh người lao động về nước trước hạn.

+ Người vay đã sử dụng toàn bộ các khoản tiền được nhận lại khi thanh lý Hợp đồng lao động theo khoản vay trước (được nêu cụ thể trong Thanh lý hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài gồm: tiền phí dịch vụ, tiền phí môi giới, tiền đặt cọc...) để trả nợ NHCSXH.

+ Đã hoàn tất các thủ tục theo quy định về xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan với NHCSXH (như gia hạn nợ, khoan nợ...)

5.3. Mục đích sử dụng vốn vay

Chi trả các chi phí, lệ phí hợp pháp cần thiết để được đi lao động có thời hạn ở nước ngoài. Cụ thể là:

- Phí đào tạo.
- Phí tư vấn hợp đồng.
- Phí đặt cọc.
- Vé máy bay một lượt từ Việt Nam đến nước mà người lao động tới làm việc.
- Chi phí cần thiết khác tại hợp đồng lao động.

5.4. Thời hạn cho vay

Việc xác định thời hạn cho vay được căn cứ vào thời hạn đi lao động ở nước ngoài theo Hợp đồng tuyển dụng và khả năng trả nợ của người vay nhưng tối đa không quá thời hạn đi lao động ở nước ngoài theo Hợp đồng lao động.

5.5. Mức cho vay

- Mức cho vay cụ thể đối với từng người đi lao động có thời hạn ở nước ngoài được xác định căn cứ vào nhu cầu vay vốn của người vay để chi phí đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng tuyển dụng, khả năng trả nợ của người vay và khả năng nguồn vốn của NHCSXH, nhưng không vượt quá mức cho vay tối đa do Hội đồng quản trị NHCSXH quy định từng thời kỳ.

Hiện nay, Hội đồng quản trị NHCSXH quy định mức cho vay tối đa là 30 triệu đồng/người đi lao động ở nước ngoài.

- Đối với người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp, mức cho vay được xác định theo nhu cầu và khả năng trả nợ của người vay, nhưng tối đa bằng tổng các khoản chi phí cần thiết mà người lao động phải đóng góp theo quy định ghi trên Hợp đồng và không vượt quá mức trần cho vay theo từng thị trường lao động đã được Bộ Lao động - Thương binh và xã hội quy định từng thời kỳ (tại phụ lục đính kèm văn bản số 3354/LĐTĐBXH-QLLĐNN ngày 09/9/2009 và văn bản 3328/LĐTĐBXH-QLLĐNN ngày 04/10/2011).

Lưu ý: Đối với người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp, mức cho vay không bao gồm các khoản chi phí: Học phí học nghề, học ngoại ngữ và bồi dưỡng kiến thức; lệ phí làm vi sa, hộ chiếu, khám sức khỏe, lệ phí lý lịch tư pháp. Các khoản chi phí này đã được Nhà nước hỗ trợ 100%.

Chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

7.1. Phạm vi thực hiện

Từ năm 2004, thực hiện cho vay tại 10 tỉnh: Sơn La, Hải Dương, Nam Định, Ninh Bình, Nghệ An, Khánh Hòa, Bình Thuận, Đắk Lắk, Tiền Giang và Kiên Giang.

Từ năm 2006, thực hiện mở rộng cho vay các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

7.2. Đối tượng được vay

Các hộ gia đình thuộc khu vực nông thôn bao gồm các xã thuộc huyện, các xã thuộc thị xã và xã thuộc thành phố thuộc tỉnh.

7.3. Điều kiện vay vốn

NHCSXH xem xét và quyết định cho vay khi hộ vay có đủ các điều kiện sau:

- Có hộ khẩu thường trú hoặc đăng ký tạm trú dài hạn tại khu vực nông thôn nơi chi nhánh NHCSXH đóng trụ sở.

- Chưa có công trình nước sạch và vệ sinh môi trường (NS&VSMT) hoặc đã có nhưng chưa đạt tiêu chuẩn quốc gia về nước sạch và chưa đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn được UBND cấp xã xác nhận.

- Hộ vay không phải thế chấp tài sản nhưng phải là thành viên Tổ TK&VV, được Tổ bình xét lập thành Danh sách đề nghị vay vốn có xác nhận của UBND cấp xã về địa chỉ cư trú hợp pháp của các hộ gia đình tại xã, chưa có công trình NS&VSMT hoặc đã có nhưng chưa đạt tiêu chuẩn quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường.

7.4. Mục đích sử dụng vốn vay

- Mua nguyên vật liệu.

- Trả công xây dựng.

- Các chi phí cần thiết khác cho việc xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình nước sạch, công trình vệ sinh bảo đảm theo tiêu chuẩn quốc gia về NS&VSMT nông thôn (hố xí hoặc hố xí kèm bể biogaz, chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; xử lý nước thải, rác thải khu vực làng nghề nông thôn).

7.5. Mức cho vay và phương thức cho vay

Cho vay hai loại công trình: công trình nước sạch và công trình vệ sinh. Mức cho vay đối với mỗi loại công trình tối đa không quá 4 triệu đồng/hộ, thực hiện phương thức cho vay uỷ thác từng phần qua các tổ chức chính trị - xã hội.

7.6. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay tối đa không quá 60 tháng, trong đó thời gian ân hạn là 6 tháng. Trong thời gian ân hạn, hộ vay chưa phải trả nợ gốc và lãi tiền vay.

7.7. Định kỳ hạn nợ, thu nợ, thu lãi, gia hạn nợ

- Số tiền gốc được phân kỳ hạn trả nợ tối đa 6 tháng/1 lần.

- Tiền lãi thu theo tháng.

- Trường hợp hộ vay không trả nợ được đúng hạn do nguyên nhân khách quan làm thiệt hại đến công trình xây dựng của hộ dân hoặc ảnh hưởng đến đời sống của hộ vay làm hộ vay khó khăn trong việc trả nợ và có giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu 09/TD) thì NHCSXH xem xét cho gia hạn nợ.⁽⁴⁾ Việc gia hạn nợ có thể thực hiện một hay nhiều lần nhưng thời gian cho gia hạn nợ tối đa không quá 1/2 thời hạn cho vay ghi trên Sổ vay vốn.

Chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn.

9.1. Đối tượng được vay vốn

- Các hộ gia đình theo quy định của Bộ Luật dân sự (bao gồm cả hộ gia đình làm kinh tế trang trại) không thuộc diện hộ nghèo thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm.

Vùng khó khăn được thụ hưởng chính sách tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh quy định tại Quyết định này bao gồm các xã, phường, thị trấn quy định trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 5/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ hộ vay vốn tại NHCSXH là người đại diện cho hộ gia đình chịu trách nhiệm giao dịch với NHCSXH trong quan hệ vay vốn, trả nợ, trả lãi (là người đã thành niên) được UBND cấp xã sở tại xác nhận.

9.2. Điều kiện vay vốn

- Người vay vốn phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
- Người vay vốn cư trú hợp pháp tại nơi thực hiện dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh.

* Trường hợp hộ vay vốn trên 30 triệu đến 100 triệu đồng thì ngoài các điều kiện trên còn phải có 3 điều kiện sau :

- Người vay vốn phải có dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh được UBND xã nơi thực hiện dự án, phương án sản xuất, kinh doanh xác nhận.

- Có vốn tự có tham gia tối thiểu bằng 20% tổng nhu cầu vốn của dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh.

- Cam kết sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay làm tài sản bảo đảm tiền vay.

9.3. Mục đích sử dụng vốn vay

- Mua sắm vật tư, thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất; cây trồng, vật nuôi, sửa chữa, xây dựng mới nhà xưởng sản xuất, kinh doanh (SXKD); xây dựng và cải tạo đồng ruộng, trang trại chăn nuôi; các nhu cầu về vệ sinh môi trường; thanh toán tiền thuê nhân công và các dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh.

⁽⁴⁾ Văn bản 2492/NHCS - TDSV ngày 10/10/2011 về việc gia hạn nợ chương trình NS&VSMTNT.

- Góp vốn thực hiện các dự án hoặc phương án hợp tác SXKD:

+ Người vay và các bên góp vốn tự nguyện sử dụng vốn vay góp vốn với các hộ, các tổ hợp, các chủ trang trại, các tổ chức kinh tế trên địa bàn đang cùng sinh sống, có truyền thống làm ăn giỏi, trực tiếp thực hiện các phương án sản xuất.

+ NHCSXH không cho vay góp vốn kinh doanh tiền tệ như mua bán chứng khoán, mua xổ số...

- Giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, điện thắp sáng và đào tạo tay nghề có liên quan mật thiết đến dự án hoặc phương án SXKD.

NHCSXH không được cho vay những dự án, phương án SXKD những mặt hàng thuộc danh mục hàng hóa cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện (theo phụ lục số 01 Nghị định 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 của Chính phủ).

9.4. Vốn tự có tham gia vào dự án, phương án SXKD

- Vật tư: nguyên vật liệu, phân bón, giống cây trồng, vật nuôi...

- Quyền sử dụng đất: giá trị quyền sử dụng đất mà hộ nắm giữ theo giá trị thị trường. Trường hợp đi thuê là giá tiền thuê đã được thanh toán cho thời hạn thuê đất còn được sử dụng.

- Giá trị tài sản trên đất: tính theo giá trị thị trường. Trường hợp đi thuê là giá tiền thuê đã được thanh toán cho thời hạn thuê tài sản còn được sử dụng.

- Lao động: giá trị ngày công lao động mà người vay tham gia phương án sản xuất.

- Vốn bằng tiền: tiền mặt, dư có các tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng, giá trị các chứng chỉ, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu...

9.5. Thời hạn cho vay

- Các loại: Ngắn hạn đến 12 tháng, trung hạn từ trên 12 tháng đến 60 tháng, dài hạn từ trên 60 tháng.

- Món vay ngắn hạn trả nợ gốc 1 lần khi đến hạn. Món vay trung, dài hạn định kỳ trả nợ 6 tháng hoặc 1 năm 1 lần.

- Đối với cho vay dài hạn, thời gian ân hạn tối đa là 2 năm. Thời gian ân hạn cụ thể do giám đốc NHCSXH nơi cho vay quyết định. Trong thời gian ân hạn, người vay chưa phải trả nợ gốc nhưng phải trả lãi theo tháng.

- Thời gian gia hạn nợ đối với các khoản cho vay ngắn hạn tối đa bằng thời hạn đã cho vay. Thời gian gia hạn nợ đối với các khoản cho vay trung hạn và dài hạn tối đa bằng 1/2 thời hạn cho vay ghi trên Sổ vay vốn hoặc Hợp đồng tín dụng.

Cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg:

Cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg:

2.2. Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo đặc thù (giảm nghèo đối với vùng đồng bằng dân tộc thiểu số, các xã nghèo, huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn, ATK, biên giới, hải đảo...)

Thực hiện Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007, Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008, Quyết định 71/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ; Theo đó hộ nghèo, người nghèo dân tộc thiểu số sinh sống ở xã nghèo, huyện nghèo đặc biệt khó khăn được hưởng các chính sách ưu tiên như: chính sách hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập; chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề, nâng cao dân trí; chính sách cán bộ đối với các huyện nghèo; chính sách, cơ chế đầu tư cơ sở hạ tầng ở cả thôn, bản, xã và huyện. Trong đó chính sách tín dụng (hỗ trợ lãi suất cho vay đối với hộ nghèo khi vay vốn từ Ngân hàng chính sách xã hội). Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo đặc thù được thể hiện ở 02 chương trình:

- Chương trình cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn.

- Cho vay theo Quyết định 30a (huyện miền núi đặc biệt khó khăn).

2.3 Bố trí nguồn lực: việc bố trí, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước; việc huy động, sử dụng nguồn lực xã hội trong nước, nước ngoài và thực hiện chủ trương xã hội hóa; cơ chế lồng ghép, quản lý nguồn lực.

Quy trình, cách thức xác định hộ nghèo và một số nội dung khác:

- Quy trình, cách thức xác định hộ nghèo, xã nghèo, huyện nghèo, việc xác định và quản lý đối tượng thụ hưởng chính sách; quy trình đưa một hộ nghèo, xã nghèo, huyện nghèo thoát nghèo.

Việc xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, xã nghèo, huyện nghèo là căn cứ cho việc xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế và an sinh xã hội của cả nước nói chung và của từng địa phương nói riêng. Theo đó:

Ngày 08/7/2005, Thủ tướng chính phủ đã ban hành Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 08/7/2005 quy định chuẩn nghèo giai đoạn 2006-2010:

- + Khu vực nông thôn: những hộ có mức thu nhập bình quân đầu người từ 200.000 đồng/tháng trở xuống là hộ nghèo;

- + Khu vực thành thị: những hộ có mức thu nhập bình quân đầu người từ 260.000 đồng/tháng trở xuống là hộ nghèo;

Ngày 30/01/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định số 09/2011/QĐ-TTg về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng giai đoạn 2011-2015:

+ Hộ nghèo ở nông thôn là hộ có mức thu nhập bình quân từ 400.000 đồng/người/tháng (từ 4.800.000 đồng/người/tháng) trở xuống;

+ Hộ nghèo ở thành thị là hộ có mức thu nhập bình quân từ 500.000 đồng/người/tháng (từ 6.000.000 đồng/người/tháng) trở xuống;

+ Hộ cận nghèo ở nông thôn là hộ có mức thu nhập bình quân từ 401.000 đồng đến 520.000 đồng/người/tháng;

+ Hộ cận nghèo ở thành thị là hộ có mức thu nhập bình quân từ 501.000 đồng đến 650.000 đồng/người/tháng;

Ngày 27/12/2008 Chính phủ ban hành Nghị quyết 30a/2008/NĐ-CP của Chính Phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo trong cả nước.

Ngày 29/4/2009 Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 71/QĐ-TTg về việc hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009-2020.

Căn cứ vào các văn bản của Chính Phủ và các Bộ ngành liên quan Ngân hàng chính sách xã hội đã ban hành các văn bản hướng dẫn quy trình thủ tục cho vay đối với các đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, cho vay đối với huyện nghèo theo phương thức ủy thác qua các tổ chức chính trị xã hội căn cứ vào kết quả bình xét của tổ Tiết kiệm và vay vốn có xác nhận của UBND cấp xã. Sau khi được vay vốn các đối tượng thụ hưởng được NHCSXH, tổ chức hội nhận ủy thác, tổ tiết kiệm và vay vốn phối hợp với các cơ quan chức năng như: khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư,... tổ chức tập huấn, hướng dẫn hộ vay sử dụng vốn vay đầu tư vào cây trồng, vật nuôi và làm như thế nào để đồng vốn phát huy hiệu quả từ đó dần dần từng bước thoát nghèo, cải thiện cuộc sống.

- Đánh giá tính bền vững của giảm nghèo và việc nâng cao chất lượng cuộc sống:

Vốn tín dụng của Ngân hàng chính sách xã hội đã tiếp cận tới tất cả các hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trong toàn tỉnh, đến tận vùng sâu, vùng xa, thôn, xóm, bản, làng, nhiều chương trình tín dụng, nhiều đối tượng vay vốn, với thủ tục nhanh gọn, thuận tiện, phục vụ bà con tại chỗ, tại điểm giao dịch đặt tại ủy ban nhân dân xã đã giúp bà con giảm bớt khó khăn về thời gian, chi phí đi lại đỡ tốn kém. Vốn vay đã giúp bà con nông dân chủ động nguồn tài chính để mua sắm công cụ sản xuất, phân bón, giống cây trồng, vật nuôi, chi phí học tập và đời sống sinh hoạt do đó đã phòng ngừa và hạn chế nạn cho vay nặng lãi, bán lúa non tồn tại lâu đời trong nông thôn.

Thông qua chính sách cho vay ưu đãi với lãi suất thấp, hộ nghèo và các đối tượng chính sách được trợ giúp một phần chi phí sản xuất kinh doanh, từ đó góp phần giảm giá thành sản xuất, và nâng cao giá trị sản phẩm, giúp người dân cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Qua lãi suất cho vay ưu đãi, hàng năm người nghèo và các đối tượng chính sách khác được hưởng lợi trực tiếp từ lãi suất lên tới hàng trăm tỷ đồng.

Tín dụng chính sách đã góp phần làm thay đổi diện mạo nông thôn, thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp dịch vụ .V.V.. mặt khác, tín dụng chính sách đã giải quyết được các vấn đề bức xúc trong nhân dân như: vấn đề nhà ở, vấn đề việc làm, vấn đề môi trường và nước sạch, vấn đề học tập v.v... Từ đó góp phần thu hẹp khoảng cách về mức sống trong nhân dân giữa các vùng miền trong tỉnh.

Thông qua các tổ chức hội đoàn thể tham gia dịch vụ ủy thác từng phần đã tạo nên phong trào thi đua làm tốt, phát triển thêm hội viên, gắn kết hoạt động của hội với công tác xóa đói giảm nghèo ở địa phương, do đó đã góp phần tăng cường và mở rộng hoạt động của các đoàn thể chính trị - xã hội nhận ủy thác.

Tạo ra môi liên kết gắn bó giữa các hộ trong thôn bản, thông qua hoạt động của tổ tiết kiệm các hộ vay vốn đã trao đổi kinh nghiệm, hướng dẫn giúp đỡ lẫn nhau, tạo nên một sức mạnh cộng đồng dân cư đầm ấm tình làng nghĩa xóm, tăng cường sự đoàn kết trong cộng đồng dân cư, góp phần ổn định an ninh trật tự xây dựng nông thôn mới.

Vốn vay ưu đãi đã làm thay đổi nhận thức của người dân về tín dụng chính sách và làm chuyển biến ý thức sử dụng vốn vay của người nghèo về việc (có vay có trả), người dân không còn ỷ lại vào nhà nước.

Ngân hàng chính sách xã hội các tỉnh được củng cố và hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động từ tỉnh đến cơ sở, nâng cao chất lượng hoạt động giao dịch xã, đào tạo đội ngũ cán bộ ngân hàng có trình độ nghiệp vụ chuyên môn giỏi với ý thức tinh thần trách nhiệm cao đã thực hiện tốt công tác cho vay đúng, thu hồi vốn kịp thời, tái đầu tư vốn có hiệu quả, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

Qua đó đã cho thấy sự phù hợp giữa chủ trương chính sách tín dụng ưu đãi của chính phủ với tình hình thực tiễn tại địa phương và nhu cầu của người dân. Tín dụng chính sách đã mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội to lớn, được các cấp chính quyền địa phương và nhân dân trong tỉnh đồng tình ủng hộ, phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và nhà nước.

2.4. Trách nhiệm quản lý Nhà nước

Chương trình XĐGN của các tỉnh đã được tổ chức triển khai đồng bộ ở tất cả các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội. Các tỉnh đã củng cố và kiện toàn bộ máy chỉ đạo Ban chỉ đạo XĐGN của tỉnh. Ban chỉ đạo XĐGN của các tỉnh thường do đồng chí Phó chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng Ban. Các sở, ban, ngành với tư cách là thành viên của Ban chỉ đạo chương trình đã phối hợp chặt chẽ trong việc tổ chức triển khai chỉ đạo thực hiện chương trình theo sự phân công. Trong quá trình tổ chức thực hiện đã có sự phối hợp tích cực của ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức đoàn thể như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu Chiến binh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Các tổ chức này có vai trò tích cực trong công tác

xóa đói giảm nghèo ở cấp cơ sở, là cầu nối giữa Đảng và Chính phủ với người dân thông qua vận động, tuyên truyền, phổ biến các chế độ chính sách.

Nhận thức tầm quan trọng của công tác XĐGN, Tinh ủy và UBND các tỉnh đã chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh tới các xã, phường, thị trấn xây dựng Nghị quyết của cấp ủy Đảng và HĐND về lãnh đạo công tác XĐGN. UBND tỉnh chỉ đạo các huyện, thị xã thành lập Ban chỉ đạo XĐGN các cấp. Có sự phân cấp và phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện rõ ràng, cụ thể giữa các cấp, các ngành, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong việc tham gia, giám sát thực hiện.

Ngân hàng chính sách xã hội là đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi, chuyển tải nguồn vốn ưu đãi đến tay các đối tượng thụ hưởng là hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác thông qua ký hợp đồng ủy thác với các tổ chức chính trị xã hội (HND, HPN, HCCB, ĐTN). Các tổ chức hội nhận ủy thác còn tạo điều kiện cung cấp các dịch vụ tín dụng cho người nghèo thông qua việc thành lập các tổ TK&VV, làm trung gian giữa ngân hàng và các đối tượng được hưởng lợi. UBND cấp xã là đầu mối phụ trách XĐGN, các Trưởng thôn là đầu mối XĐGN cấp thôn. Hầu hết các tổ chức này chỉ làm công tác kiêm nhiệm được giao trách nhiệm không chỉ thực hiện chương trình XĐGN mà còn cả các chương trình phát triển kinh tế xã hội khác và thường xuyên có sự thay đổi vị trí công tác nên cũng ảnh hưởng không nhỏ tới công tác giảm nghèo.

2. Tồn tại, hạn chế trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, thay đổi nhận thức, sự tham gia của người nghèo, xây dựng cơ chế điều hành, lồng ghép trong chính sách giảm nghèo.

Tín dụng ưu đãi được thực hiện trên cơ sở thành lập các tổ TK&VV từ thôn, xóm, bản, làng. Được Chính phủ giao cho NHCSXH, các Tổ chức chính trị xã hội (HND, HPN, HCCB, ĐTN), Ban xóa đói giảm nghèo cấp xã và Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp quản lý. Bộ máy và qui mô hoạt động rộng lớn, nhưng sự phối hợp, sự quan tâm của mỗi ngành, mỗi cấp có sự khác nhau nên hiệu quả hoạt động chưa tương xứng với số vốn bỏ ra.

Nguồn vốn dành cho chương trình này là rất lớn, tuy nhiên nguồn vốn từ Ngân sách tỉnh, huyện tham gia lại quá ít, mặc dù hội đồng nhân dân các tỉnh đã có nghị quyết về việc mỗi năm ngân sách tỉnh sẽ chuyển một số tiền nhất định phù hợp với tình hình ngân sách mỗi tỉnh cho NHCSXH tỉnh để lập quỹ cho vay hộ nghèo ở địa phương, nhưng việc thực hiện chuyển vốn lại không đầy đủ, không kịp thời. Nguồn lực tại địa phương ít không những thiếu vốn đầu tư mà còn ảnh hưởng đến việc xin hỗ trợ vốn từ ngân sách trung ương. Một số nơi cấp ủy chính quyền địa phương chưa quan tâm đúng mức đến chương trình giảm nghèo ở địa phương, về nhận thức một bộ phận không nhỏ người nghèo và địa phương nghèo vẫn còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, nên chưa chủ động vươn lên thoát nghèo.

Những kết quả đạt được mà chính sách giảm nghèo mang lại là rất lớn. Tuy nhiên, kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, số hộ đã thoát nghèo nhưng mức thu nhập năm sát chuẩn nghèo còn lớn, tỷ lệ hộ tái nghèo hàng năm còn cao; chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, nhóm dân cư vẫn còn khá lớn, đời sống người nghèo nhìn chung vẫn còn nhiều khó

khăn, nhất là ở khu vực miền núi, vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Một số nguyên nhân dẫn đến đói nghèo:

+ Trình độ học vấn thấp không có khả năng tự giải quyết các vấn đề vướng mắc liên quan đến pháp luật, ít có cơ hội kiếm việc làm tốt ổn định ảnh hưởng đến thu nhập, ảnh hưởng đến các quyết định có liên quan đến giáo dục, sinh đẻ (sinh con nhiều, đông con), nuôi dưỡng con cái gây khó khăn cho họ trong việc vươn lên thoát nghèo.

+ Phong tục, tập quán lạc hậu như người ốm không đưa đến các trạm y tế để chữa bệnh mà mời thầy cúng đến làm lễ để cúng “con ma” ám vào người bệnh, bệnh của người ốm ngày càng nặng thêm và rất tốn kém về kinh tế, dẫn đến gia đình nghèo càng nghèo thêm. Và các tệ nạn xã hội như buôn bán thuốc phiện, khai thác khoáng sản bừa bãi và di dân tự do cũng là nguyên nhân dân đến đói nghèo

+ Bệnh tật và sức khỏe kém cũng là yếu tố đẩy con người vào tình trạng đói nghèo. Khi bị bệnh tật, họ phải gánh chịu mất đi thu nhập từ lao động và chi phí cao cho việc khám chữa bệnh; do vậy đẩy họ vào chỗ vay mượn, cầm cố tài sản để trang trải chi phí.

+ Đại bộ phận người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thường không có điều kiện tiếp cận với hệ thống thông tin do đó có ít cơ hội tiếp cận các nguồn lực và lợi ích do chính sách mang lại. Kiến thức và kỹ năng về sản xuất yếu, phương pháp canh tác cổ truyền đã ăn sâu vào tiềm thức. Sản xuất tự cung, tự cấp là chính, chưa có khái niệm về sản xuất hàng hoá, bán các sản phẩm làm ra nhưng chưa qua chế biến nên giá trị thấp; sản phẩm làm ra chưa xuất phát từ nhu cầu của thị trường (bán sản phẩm của mình có, chứ không bán cái mà thị trường cần). Cộng thêm điều kiện vị trí không thuận lợi đã hạn chế nhiều đến sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và sinh hoạt của các hộ gia đình khiến cho các điều kiện sinh sống và sản xuất của người dân càng thêm khó khăn, đặc biệt sự kém phát triển về hạ tầng cơ sở đã làm cho các vùng này càng bị tách biệt với các vùng khác (thiếu phương tiện thông tin liên lạc, con cái thất học...)

+ Việc mở các lớp bồi dưỡng về khoa học kỹ thuật mới còn ít, hiệu quả chưa cao: Nhà nước chưa định hướng cụ thể cho người dân nên trồng cây gì, nuôi con gì cho phù hợp với điều kiện từng vùng, từng thời kỳ. Rủi ro trong chăn nuôi, trong SXKD chưa được xử lý kịp thời để hỗ trợ làm cho họ mất khả năng khắc phục rủi ro và có thể còn gặp rủi ro hơn nữa.

+ Bên cạnh đó nguồn lực còn nhiều hạn chế (vốn SXKD, kiến thức và kỹ năng làm ăn, tư liệu sản xuất: Đất sản xuất, công cụ lao động, sức kéo...); trong đó, thiếu khả năng tiếp cận các nguồn tín dụng để SXKD là một lực cản lớn nhất trong việc thoát khỏi đói nghèo. Thiếu vốn là một trong những nguyên nhân trì hoãn khả năng đổi mới sản xuất, áp dụng khoa học công nghệ, giống mới... Mặc dù trong khuôn khổ của dự án tín dụng ưu đãi thuộc chương trình XDGN quốc gia, khả năng tiếp cận tín dụng đã tăng lên rất nhiều. Song vẫn còn khá nhiều người nghèo, đặc biệt là người rất nghèo không có khả năng tiếp cận với các nguồn tín dụng. Một mặt, không có tài sản thế chấp, những người nghèo phải dựa vào tín chấp với các khoản vay nhỏ, hiệu quả thấp đã làm giảm khả năng hoàn vốn. Mặt khác, đa số người nghèo không có kế hoạch sản xuất cụ thể, hoặc sử dụng các nguồn vốn vay không đúng mục đích,

do vậy họ khó có điều kiện tiếp cận các nguồn vốn và cuối cùng sẽ làm cho họ càng nghèo hơn.

+ Một bộ phận người nghèo có tâm lý ỷ lại, chưa tích cực, chủ động vươn lên thoát nghèo.

+ Do cơ chế chính sách Nhà nước thiếu hoặc không đồng bộ về chính sách đầu tư xây dựng, kết cấu hạ tầng cho từng vùng nghèo, chính sách khuyến khích sản xuất, chính sách tín dụng, chính sách giáo dục đào tạo, y tế, chính sách đất đai,...việc tổ chức thực hiện mục tiêu giảm nghèo ở một số nơi chưa sâu sát...đã ảnh hưởng đến kết quả XDGN.

+ Việc triển khai chính sách chưa được sâu rộng nên cách làm, cách vận dụng ở các nơi có khác nhau, một số nơi bình xét xếp loại chưa chính xác, quá chặt chẽ còn rất nhiều hộ gia đình thuộc diện nghèo, cận nghèo nhưng không được đưa vào danh sách vì bệnh thành tích. Bên cạnh đó một số nơi do thiếu kiểm tra giám sát dẫn đến các nguồn vốn chính sách, các dự án đầu tư bị phân tán.

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

3.1. Nguyên nhân chủ quan

- Là tỉnh miền núi còn nghèo, đối tượng chính sách nhiều, Kế hoạch hàng năm được xây dựng từ cấp thôn, cấp xã. Tuy nhiên kế hoạch cuối cùng lại là Trung ương phê duyệt, mức tăng trưởng tín dụng hàng năm còn thấp chưa tương xứng với kế hoạch xây dựng của địa phương. Do vậy việc xây dựng kế hoạch từ cơ sở hàng năm chỉ mang tính hình thức không sát với thực tế, nhiều đối tượng thụ hưởng chưa tiếp cận được nguồn vốn ưu đãi để phát triển sản xuất.

- Công tác chỉ đạo thực hiện cơ chế ủy thác qua tổ chức chính trị xã hội, củng cố tổ Tiết kiệm và vay vốn, Ban giảm nghèo cấp xã có nơi, có lúc chưa quyết liệt. Người được giao trách nhiệm phụ trách công tác xóa đói giảm nghèo cấp xã không chỉ thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo mà còn cả các chương trình phát triển kinh tế xã hội khác do đó trong nhiều trường hợp cán bộ địa phương lơ là trong việc giám sát, thực hiện các hoạt động của Chương trình. Ngoài ra tại các địa phương không có cán bộ chuyên trách, không bố trí biên chế cho cán bộ giảm nghèo.

- Bộ máy tác nghiệp của NHCSXH còn mỏng, mỗi huyện bình quân chỉ có 9-10 người (bao gồm cả lãnh đạo) thường xuyên phải đi trực giao dịch theo ngày ở xã. Công tác kiểm tra, giám sát còn hạn chế.

3.2. Nguyên nhân khách quan

- Một số cơ chế chính sách biện pháp hỗ trợ xóa đói giảm nghèo chưa phù hợp, việc tổ chức thực hiện còn bất cập, mang tính bao cấp nên không tạo được động lực để người nghèo chủ động vượt nghèo.

- Việc tổ chức thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo các xã. phường không đồng đều, đội ngũ cán bộ vừa thiếu số lượng và chất lượng, phần lớn cán bộ chưa được bồi dưỡng đào tạo thường xuyên. Thường thì một người sẽ kiêm nhiệm nhiều việc, họ thông thường xuyên lui tới giám sát việc làm ăn sử dụng nguồn vốn vay của người nghèo có hiệu quả hay không.

- Hệ thống giao thông, thông tin truyền thông còn hạn chế, chưa rộng khắp nên việc nắm bắt tin tức về những chính sách xóa đói giảm nghèo của nhà nước đối với họ chưa nhiều, đặc biệt là người dân ở các huyện miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Khó tiếp cận với kinh nghiệm làm ăn, những mô hình sản xuất mới, tấm gương nông dân vượt khó thoát nghèo.

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

- Xóa đói giảm nghèo là nhiệm vụ chính trị của cấp ủy, chính quyền, của cả hệ thống chính trị, làm thường xuyên, liên tục

- Có sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của cấp ủy, UBND các cấp, đồng thời làm tốt công tác tuyên truyền những chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và đặc biệt là Nghị định 78/NĐ-TTg về chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách để nhân dân trên địa bàn hiểu và từ đó tạo sự đồng thuận cao trong triển khai thực hiện

- Thường xuyên làm tốt công tác giám sát, kiểm tra đối với hoạt động tín dụng chính sách, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Đặc biệt phải tăng cường sự giám sát của Ban đại diện HĐQT NHCSXH các cấp đối với hoạt động cho vay

- Không ngừng nâng cao trình độ về chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ ngân hàng, cán bộ tổ chức hội và tổ trưởng tổ TK&W ở các khu dân cư, có như vậy sẽ làm giảm thấp nhất những sai sót về chuyên môn, nghiệp vụ và rủi ro trong quá trình cho vay

- Công tác thi đua khen thưởng cần được quan tâm một cách thường xuyên, đảm bảo công bằng khách quan

IV. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

1. Giải pháp

1.1. Nhóm giải pháp về thể chế chính sách

- Thường xuyên rà soát bổ sung đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm theo thực tế phát sinh để các đối tượng được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản nhất, trong đó có dịch vụ tín dụng ưu đãi cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác

- Nhà nước cần tính toán và có cơ chế chính sách điều chỉnh chuẩn nghèo theo trượt giá hàng năm phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội không nên quy định tiêu chí hộ nghèo, hộ cận nghèo theo giai đoạn 5 năm như hiện nay.

1.2. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện

- Quán triệt trong cấp uỷ, chính quyền các cấp nhận thức về chủ trương xoá đói giảm nghèo là chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, thực hiện công bằng an sinh xã hội, nâng cao dân trí ổn định chính trị ở nông thôn, tạo lập lòng tin của nông dân, dân nghèo đối với Đảng.

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng chính sách tín dụng ưu đãi đến các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, đến các tầng lớp nhân dân, các đối tượng thụ hưởng để họ nắm được nội dung chủ trương chính sách đảm bảo vốn đến tay người hưởng được minh bạch công bằng, công khai.



TTBD ĐBDC